TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2024/HC-PT
Ngày: 02,03/04/2024
Về việc: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà
Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học
Ông Nguyễn Vũ Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 02, 03 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 802/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 156/2023/HC-ST ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3256/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Vương Quốc H, sinh năm 1954; địa chỉ: số 108, ngõ 165, đường C, tổ dân phố A, phường D, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Thanh T và Luật sư Lê Đức M - Văn phòng L2 và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hà Nội; trụ sở: Số 79A Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch (theo Giấy ủy quyền số 201/GUQ-UBND ngày 28/02/2024). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. UBND quận C, thành phố Hà Nội và Chủ tịch UBND quận C, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Ngọc P, chức vụ: Phó Chủ tịch (theo Giấy ủy quyền số 460/UBND-GUQ ngày 01/4/2024). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND phường D, quận C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Thành viên hộ gia đình ông Vương Quốc H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:***

Ngày 17/5/2002, UBND thành phố H ban hành Quyết dịnh số 3564/QĐ-UB cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10113090589 cho gia đình ông với diện tích 50m^2.

Ngày 11/01/2019, UBND quận C ban hành các Quyết định số 157/QĐ-UBND về việc thu hồi đất; Quyết định số 158/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư của UBND quận C đề ngày 11/01/2019 trong dự án xây dựng đường nối từ C đến khu đô thị M, quận C. Tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất, diện tích thực đo là 55,9m^2 đất nằm trong khuôn viên (toàn bộ nhà) ông đã xây dựng và sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993 được UBND phường D xác nhận theo Giấy xác nhận số 156/XN-UBND ngày 07/12/2018.

Nội dung Quyết định số 158/QĐ-UBND ông không đồng ý vì cho rằng:

+ Áp dụng giá bồi thường không đúng quy định về thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất. Quyết định thu hồi ngày 11/01/2019 nhưng áp dụng giá bồi thường theo Quyết định số 1560/QĐ-UBND ngày 07/3/2017.

+ Giá bồi thường thấp hơn giá bồi thường về đất tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất.

+ Việc lập phương án BTHTTĐC sử dụng đơn giá xây dựng theo Văn bản 5481/QĐ-UBND ngày 24/11/2011 cách thời điểm thu hồi 08 năm là không phản ánh đúng đơn giá.

+ Việc buộc gia đình ông phải nộp nghĩa vụ tài chính là: 499.200.000 đồng và tại Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 31/7/2021 phê duyệt bổ sung buộc gia đình ông phải nộp thêm nghĩa vụ tài chính là 49.200.000 đồng là không đúng với quy định của pháp luật vì gia đình ông thuộc trường hợp đối tượng không phải nộp tiền sử dụng đất.

Vì những lý do trên, ông làm đơn khởi kiện đến Tòa án đề nghị:

+ Đề nghị hủy Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

+ Đề nghị hủy l phần Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

+ Đề nghị hủy l phần Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung PABTHT cụ thể là phần khấu trừ nghĩa vụ tài chính gia đình ông phải nộp đối với 4m^2 bổ sung là 49.920.000 đồng.

**** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trình bày:*** Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội giữ nguyên Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và xin được giải quyết vắng mặt.

**** Chủ tịch và UBND quận C trình bày:***

Bản đồ và sổ theo dõi quản lý đất đai các thời kỳ hiện đang lưu giữ tại UBND phường D thể hiện như sau:

Bản đồ và sổ quản lý 1960: Tờ bản đồ số 3 thôn T, thuộc một phần các thửa đất số 478/555, loại đất M, chủ sử dụng Lê Văn Đ1 và thửa đất số 479/333, loại đất nông nghiệp, chủ sử dụng Nguyễn Thị H1.

Bản đồ và sổ quản lý 1978: Tờ bản đồ thôn T, thuộc một phần các thửa đất số 642/116, loại đất nông nghiệp, chủ sử dụng Nguyễn Xuân C và thửa đất số 643/237, loại đất nông nghiệp, chủ sử dụng Nguyễn Minh T1.

Bản đồ và sổ quản lý 1987: Tờ bản đồ thôn T, thuộc một phần các thửa đất số 470/99, loại đất T (ở), chủ sử dụng Nguyễn Thị B và thửa đất số 471/98, loại đất T (ở), chủ sử dụng Nguyễn Quang T2.

Bản đồ và sổ quản lý 1994: Tờ bản đồ số 30, thuộc một phần thửa đất số 142/100, loại đất ở, chủ sử dụng Nguyễn Thị B.

+ 1.9m² đất được gia đình sử dụng ổn định vào mục đích để ở từ trước ngày 15/10/1993. Diện tích đất này nằm trong khuôn viên gia đình không có tranh chấp, không thuộc danh mục đất công, đất nông nghiệp, đất chưa sử dụng do nhân dân phường quản lý và không thuộc quỹ đất do Hợp tác xã quản lý.

+ 4,0m^2 đất hiện trạng đang được gia đình sử dụng để ở.

Bản đồ và sổ theo dõi quản lý đất đai các thời kỳ hiện đang lưu giữ tại UBND phường D thể hiện như sau:

Bản đồ và sổ quản lý 1960: Tờ bản đồ số 3, thôn T, thuộc một phần các thửa đất số 478/555, loại đất M, chủ sử dụng Lê Văn Đ1 và thửa đất số 479/333, loại đất nông nghiệp, chủ sử dụng Nguyễn Thị H1.

Bản đồ và sổ quản lý 1978: Tờ bản đồ thôn T, thuộc một phần các thửa đất số 642/116, loại đất nông nghiệp, chủ sử dụng Nguyễn Xuân C và thửa đất số 643/237, loại đất nông nghiệp, chủ sử dụng Nguyễn M1.

Bản đồ và sổ quản lý 1987 là đất đường đi.

Bản đồ và sổ quản lý l994: Tờ bản đồ số 30, thuộc phần thửa đất số 143/54, loại đất ở, chủ sử dụng Nguyễn Thị H1.

4,0m² là đất đường đi theo bản đồ năm 1987, gia đình tự ý sử dụng và tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất để ở ổn định từ trước ngày 15/10/1993 (được thể hiện là đất ở theo bản đồ năm 1994). Diện tích đất này nằm trong khuôn viên của gia đình không có tranh chấp, không thuộc danh mục đất công, đất nông

nghiệp, đất chưa sử dụng do UBND phường quản lý và không thuộc quỹ đất do Hợp tác xã quản lý.

- Công trình trên đất được thể hiện tại Biên bản điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm ngày 10/4/2017; Công trình xây dựng năm 1993, cải tạo trước ngày 01/7/2004.

Trên cơ sở Giấy xác nhận về các thông tin liên quan tới việc quản lý, sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi của UBND phường D nêu trên; căn cứ Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan; Chủ đầu tư đã lập phương án dự thảo; Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thẩm tra phương án dự thảo, công khai phương án dự thảo, hoàn chỉnh phương án và trình UBND quận C ban hành Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày l1/01/2019 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường nối từ đường C đến khu đô thị M, quận C, cụ thể như sau:

+ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 11/01/2019: Thu hồi diện tích 55,9m^2 đất do ông Vương Quốc H và bà Nguyễn Thị G đang sử dụng tại địa chỉ số 108, ngõ 165 đường C, tổ B, phường D, quận C, Hà Nội; lý do thu hồi đất: Để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường nối từ đường C đến khu đô thị M theo quy định.

+ Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 về việc phê đuyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng tuyến đuờng nối từ đường C đến khu đô thị M, quận C đối với:

* Họ và tên người sử dụng đất thu hồi: Ông Vương Quốc H và bà Nguyễn Thị G.

* Họ và tên sở hữu tài sản thu hồi: Ông Vương Quốc H và bà Nguyễn Thị G.

* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Số 108 ngõ 165 đường C, tổ B phường D, quận C, Hà Nội.

* Căn hộ tái định cư đã bắt thăm: Căn hộ số 304, tầng 3, đơn nguyên 3, diện tích sàn xây dựng 85,11m^2, diện tích sử dụng 77,48m^2 và căn hộ số 1004, tầng 10, đơn nguyên 1, diện tích sàn xây dựng 73,65m^2, diện tích sử dụng 65,20m^2 tại nhà N01 ô đất D17 khu đô thị M.

* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (về đất, tài sản, hỗ trợ khác): 3.457.176.671 đồng. Trong đó: Bồi thường 51,9m^2 đất theo giá đất ở của dự án (50.419.200 đồng/m^2): 2.615.748.480 đồng.

Bồi thường 4,0m^2 đất theo giá đất nông nghiệp (252.000 đồng/m^2): 780.268.191 đồng.

Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, cây cối, hoa màu (tỷ lệ 30%-50%-100%): 780.268.191 đồng.

Bồi thường, hỗ trợ khác: 60.152.000 đồng.

* Khấu trừ nghĩa vụ tài chính: 505.440.000 đồng.

* Số tiền mua nhà tái định cư phải nộp: 2.995.249.800 đồng.

* Số tiền thực tế người có đất thu hồi phải nộp 43.513.129 đồng.

(Ghi chú: Thông tin về tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (về đất, tài sản, hỗ trợ khác) tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 có sai sót trong quá trình đánh máy, đã được đính chính lại tại Quyết định số l699/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của UBND quận C).

+ Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của UBND quận C về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Vương Quốc H, địa chỉ số 108 ngõ 165 đường C, tổ B, phường D, quận C, Hà Nội.

Do không đồng ý với với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, ông Vương Quốc H đã khiếu nại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của UBND quận C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường nối từ đường C đến khu đô thị M, quận C với lý do: Việc xác định diện tích 4m^2/55,9m^2 đất ở của gia đình là đất đường đi và gia đình không được bồi thường, hỗ trợ là không đúng định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Tổng diện tích 02 căn hộ gia đình được mua tái định cư (01 căn diện tích 77m^2 và 01 căn diện tích 65m^2) là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND; Việc bồi thường, hỗ trợ, khấu trừ tiền mua căn hộ tái định cư và 40% tiền nghĩa vụ tài chính khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phương án là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Việc kiểm đếm còn thiếu tài sản của gia đình và việc bồi thuờng, hỗ trợ về tài sản trên đất đã kiểm đếm chưa đúng chính sách tại thời điểm giải phóng mặt bằng (theo Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND thành phố).

Trên cơ sở kết quả xác minh khiếu nại của ông Vương Quốc H, UBND quận C có Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Vương Quốc H với nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của UBND quận C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường nối từ đường C đến khu đô thị M, quận C. Việc ông H khiếu nại là không đúng.

Tuy nhiên, để đảm bảo quyền, lợi ích cho người bị thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ theo quy định, UBND quận C giao UBND phường D kiểm tra, xác định lại thời điểm sử dụng 4m^2 đất của ông Vương Quốc H, có văn bản báo cáo Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư UBND quận C; Trên cơ sở kết quả rà soát của UBND phường D, Thường trực Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đề xuất việc bồi thường, hỗ trơ 4m^2 đất cho ông Vương Quốc H đảm bảo đúng quy định.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại, ông Vương Quốc H tiếp tục khiếu nại và được UBND thành phố Hà Nội xem xét, có Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 giải quyết khiếu nại (lần 2) với nội dung:

Việc ông Vương Quốc H đề nghị diện tích 4m^2 đất gia đình ông đã sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993 được bồi thường theo giá đất ở là đúng một phần.

Việc đề nghị không phải nộp tiền sử dụng đất đối vói diện tích 50m^2/155,9m^2 đất thu hồi là không có cơ sở. Nội đung khiếu nại của ông Vương Quốc H là sai.

Giao UBND quận C điều chỉnh lại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích 4m^2 đất của gia đình ông Vương Quốc H là diện tích đo đạc thực tế lớn hơn diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đuợc gia đình ông Vuong Quốc H2 sử dụng ổn định, không tranh chấp trước ngày 15/10/1993.

+ Việc phê duyệt phương án sau khi có Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) của UBND thành phố Hà Nội: Trên cơ sở kết quả giải quyết khiếu nại (lần 2) của UBND thành phố Hà Nội; Xét đề nghị của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; UBND quận C có Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường nối từ đường C đến khu đô thị M, quận C; cụ thể như sau:

* Họ và tên người sử dụng đất, sở hữu tài sản thu hồi: Ông Vuong Quốc H2 và bà Nguyễn Thị G.

* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Số 108 ngõ 165 đường C, tổ l6 phường D, quận C, Hà Nội.

* Số tiền bồi thường, hỗ trợ, điều chỉnh, bổ sung: 1 56.04 1.878 đồng.

Trong đó: Điều chỉnh tiền bồi thường, hỗ trợ về đất: 200.668.800 đồng.

Điều chỉnh tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản: 5.293.078 đồng.

Khấu trừ nghĩa vụ tài chính 49.920.000 đồng.

(4m^2 đất trước đây được bồi thường theo giá đất nông nghiệp, nay điều chỉnh bồi thuờng theo giá đất ở của dự án và khấu trừ 50% tiền sử dụng đất theo giá đất ở quy định tại Bảng giá. Đồng thời, điều chỉnh tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản trên 4m^2 đất đủ điều kiện bồi thường).

Do gia đình có đơn đề nghị nhận tiền, tự lo tái định cư (ngày 30/11/2020) đối với căn hộ số 1004, tầng A, đơn nguyên 1, diện tích sàn xây dựng 73,65m^2, diện tích sử dụng 65,20m^2 tại nhà N01 ô đất D17 khu đô thị mới C, UBND quận C tiếp tục có Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiên dự án xây dựng tuyến đường nối từ đường C đến khu đô thị M, quận C, cụ thể như sau: * Họ và tên người sử dụng đất, sở hữu tài sản thu hồi ông Vương Quốc H.

* Địa chỉ thửa đất thu hồi: Số 108 ngõ 165 đường C, tổ B phường D, quận C, Hà Nội.

* Số tiền bồi thường, hỗ trợ, điều chỉnh bổ sung: 1.811.811.671 đồng.

Trong đó:

Điều chỉnh tiền mua nhà tái định cư: 1435.964.800 đồng.

Bổ sung tiền hỗ trợ tự lo tái định cư: 443.360.000 đồng.

Điều chỉnh giảm tiền thuê nhà tạm cư: 24.000.000 đồng.

Số tiền phải nộp theo Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 11/01/2019: 43.513.129 đồng.

+ Quan điểm của UBND quận C:

Việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được UBND quận C thực hiện theo đúng quy định. Do vậy, việc công dân khởi kiện là không đúng.

**** Ủy ban nhân dân phường D:*** Cung cấp các tài liệu giấy tờ giải phóng mặt bằng của hộ gia đình ông Vương Quốc H. Quan điểm của UBND phường D đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vương Quốc H đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 156/2023/HC-ST ngày 17/7/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 144, khoản 1 Điều 158, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204 và Điều 206 Luật Tố tụng Hành chính; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21, Điều 27, Điều 29, Điều 31, Điều 33, Điều 36, Điều 38 và Điều 40 Luật Khiếu nại; khoản 2 Điều 46 Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội; điểm d khoản l Điều 12 và khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vương Quốc H về việc yêu cầu hủy:

+ Quyết định số 158/QĐ-UBND của UBND quận C về việc phê duyệt phương án PABTHTTĐC.

+ Một phần Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 4/9/2019 của Chủ tịch UBND quận C về việc giải quyết khiếu nại Lần 1.

+ Một phần Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại Lần 2.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/7/2023, người khởi kiện ông Vương Quốc H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Vương Quốc H xin rút một phần kháng cáo và chỉ đề nghị HĐXX xem xét hai nội dung mà ông H cho rằng trái pháp luật, cụ thể:

Một là, khấu trừ 40% tiền SDĐ (thành tiền là 499.200.000đ) theo Thông báo thuế của Chi cục thuế C2 ngày 17/02/2017.

Hai là, gia đình phải nộp 50% tiền SDĐ (thành tiền là 49.920.000đ) diện tích tăng thêm 04m^2 so với sổ đỏ do sai số qua các lần đo đạc theo Quyết định 1569/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của Chủ tịch UBND quận C về việc bổ sung Phương án bồi thường theo Quyết định 158/QĐ-UBND của quận.

Người khởi kiện ông Vương Quốc H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Đề nghị hủy Quyết định số 158/QĐ-UBND của UBND quận C về việc phê duyệt PABTHTTĐC; Hủy Thông báo nộp tiền SDĐ số 10113.2016.0007709/TB-TSDĐ ngày 17/02/2017 của Chi cục thuế quận C2 để Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội và Cục thuế thành phố Hà Nội xác định lại nghĩa vụ tài chính về đất đai theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm gia đình ông H đã được cấp sổ đỏ là ngày 24/8/2002; Hủy một phần Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của Chủ tịch UBND quận C về việc giải quyết khiếu nại lần 1. Hủy một phần Quyết định Quyết định 1569/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 về việc điều chỉnh, bổ sung Phương án bồi thường 04m^2 của Chủ tịch UBND quận C. Hủy một phần Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần 2. Gia đình ông H không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với diện tích tăng thêm 4m^2 so với sổ đỏ đã cấp, do sai số trong các lần đo đạc, theo khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Vương Quốc H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của ông Vương Quốc H nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2]. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng pháp luật.

[1.3]. Về việc vắng mặt của các đương sự:

Tại phiên tòa người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội; Chủ tịch và UBND quận C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường D, quận C, thành phố Hà Nội; thành viên hộ gia đình ông Vương Quốc H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy sự vắng mặt của các đương sự trên không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ Điều 157, Điều 158, Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt.

[2]. Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Vương Quốc H, thấy:

[2.1]. Xét các Quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[2.1.1]. Về thẩm quyền, trình tự ban hành các quyết dịnh:

Các quyết định hành chính do Chủ tịch và UBND quận C và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội (bao gồm các quyết định hành chính về phê duyệt PABTHTTĐC và quyết định giải quyết khiếu nại) được ban hành theo đúng thẩm quyền, trình tự ban hành theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2014 và Luật khiếu nại năm 2011.

[2.1.2]. Về nội dung các quyết định hành chính bị kiện:

Căn cứ vào các tài liệu do UBND phường D và UBND quận C cung cấp, có nội dung sau:

* Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của gia đình ông H:

Theo Bản đồ và sổ theo dõi quản lý đất dai lập năm 1994 là thửa đất số l43, diện tích 54m^2, loại đất ở. Theo UBND phường D báo cáo: Năm 1985, Hợp tác xã Dịch Vọng chia đất giãn dân cho các hộ dân trong đó có hộ ông Nguyễn Quang T2 và vợ là bà Lê Thị H3 diện tích 102m^2 ở Đội 2, thôn T, xóm H. Ngày 23/9/1993, gia đình ông T2 chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho 02 hộ gia đình là ông Vương Quốc H và gia đình bà Nguyễn Thị L (bằng giấy tờ mua bán viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương); mỗi gia đình được sử dụng 2 diện tích thửa đất (gia đình ông H sử dụng nửa trong sát nhà bà L1, gia đình bà L sử dụng ở nửa ngoài sát đường đi vào ngõ nhà ông C1). Sau khi mua, 02 gia đình đã tự đo đạc, phân chia ranh giới thửa đất (gia đình ông H sử dụng 50m^2) và xây dựng nhà 02 tầng, 01 tum trên toàn bộ diện tích đất đã mua vào khoảng cuối tháng 9/1993, quá trình xây dựng không bị chính quyền xử phạt vi phạm hành chính.

* Quá trình kê khai đăng ký nhà ở và đất ở, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H:

Ngày 11/7/1998, gia đình ông H kê khai đăng ký nhà ở và đất ở, có nội dung: Diện tích dất 54,0m², thửa đất số 143, tờ bản đồ số 30; Nhà trên đất là nhà B2: diện tích xây dựng 44,72m^2; diện tích sử dụng 76,5m^2 tự xây dựng năm 1993.

Ngày 15/02/2001, UBND phường D có Biên bản xác nhận và phân loại hồ sơ đăng ký xin cấp GCN của gia dình ông Vương Quốc H và bà Nguyễn Thị G, thửa đất số 143 tờ bản đồ số 30, diện tích 54,0m^2 (sử dụng riêng 54,0m^2, chung

Om^2). Ông H mua đất giãn dân năm 1985 của ông Nguyễn Quang T2 50m^2, xác nhận của UBND xã D ngày 22/4/1997, Ông T2 có tên trong sổ địa chính năm 1987 của phường. Diện tích đất đề nghị cấp GCN 54m^2, tăng 4m^2 so với giấy mua bán.

Ngày 17/5/2002, UBND thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vương Quốc H và vợ là bà Nguyễn Thị G, số 10113090589, thửa đất số 143 tờ bản đồ số 30, diện tích 50,0m^2 (sử dụng riêng: 50,0m^2, sử dụng chung: 0m^2). Trên đất có nhà bệ tông 02 tầng, diện tích xây dựng 44,72m^2, diện tích sử dụng 76,5m^2. Gia đình chưa nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà, đất.

Diện tích 4m^2 không được cấp GCNQSDD. Ngày 07/12/2018, UBND phường D có bản xác nhận số 156/XN-UBND đối với hộ ông H, có nội dung: Người sử dụng đất và tài sản ông Vương Quốc H, vợ là bà Nguyễn Thị G. Diện tích đất bị thu hồi: 55,9m^2.

- Diện tích đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất ở: 50,0m^2, trong đó:

+ 50,0m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mã số 10113090589 do UBND thành phố cấp ngày 17/5/2002, thửa đất số l43, tờ bản đồ số 30 lập năm 1994; diện tích 50,0m^2 (sử dụng riêng: 50,0m^2, sử dụng chung: 0m^2).

+ Nghĩa vụ tài chính về đất đai: Chưa nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà, đất.

- Diện tích đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất ở: 5,9m^2 gồm có:

+1,9m^2 đất hiện trạng đang được gia đình sử dụng ổn định vào mục đích để ở từ trước ngày 15/10/1993. Diện tích đất này nằm trong khuôn viên của gia đình không có tranh chấp, không thuộc danh mục đất công, đất nông nghiệp, đất chưa sử dụng do UBND phường D quản lý và không thuộc quỹ đất do HTX quản lý, thuộc một phần thửa 470 và 471, bản đồ 1994, loại đất ở.

+ 4,0m² là đất đường đi theo bản đồ năm 1987, gia đình tự sử dụng và tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất để ở ổn định trước ngày 15/10/1993 (được thể hiện là đất ở theo bản đồ năm 1994). Diện tích đất này nằm trong khuôn viên của gia đình không có tranh chấp, không thuộc danh mục đất công, đất nông nghiệp, đất chưa sử dụng do UBND phường D quản lý và không thuộc quỹ đất do HTX quản lý.

Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Giấy xác nhận 124/XN-UBND ngày 21/6/2017 của UBND phường D.

Theo UBND phường D báo cáo: Căn cứ UBND phường xác định diện tích 5,9m² là bằng phương pháp chồng khớp hồ sơ kỹ thuật thửa đất lên bản đồ địa chính đo vẽ năm 1994 xác định diện tích 4,0m^2 và 1,9m^2 này đều nằm trong khuôn viên của gia đình ông H, không có tranh chấp, không thuộc danh mục đất công, đất nông nghiệp, đất chưa sử dụng do UBND phường quản lý và không thuộc quỹ đất do HTX quản lý. Việc sử dụng đất và xây dựng công trình trên đất, UBND

phường đã lấy ý kiến khu dân cư; theo đó, nhà ông H xây dựng năm 1993 và sau đó có sửa chữa cải tạo thêm vào thời điểm trước 01/7/2004.

Ngày 11/01/2019, UBND quận C có Quyết định số 158/QĐ-UBNDphê duyệt phương án BTHT và TĐC cho gia đình ông Vương Quốc H và vợ là bà Nguyễn Thị G với nội dung:

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận: 3.457.026.671 đồng. Trong đó: -Tiền BTHT về đất: 2.616.756.480 đồng = 51,9m^2 x 50.419.200 x 100%; không BT, HT đối với diện tích 4m^2.

* Về nghĩa vụ tài chính cấp GCN QSDĐ: Ngày 17/5/2002, UBND thành phố có Quyết định số 3564/QĐ-UB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vương Quốc H và vợ là bà Nguyễn Thị G, số 10113090589, thửa đất số 143 tờ bản đồ số 30, diện tích 50,0m^2. Trên đất có nhà bê tông 02 tầng, diện tích xây dựng 44,72m^2, diện tích sử dụng 76,5m^2, nộp 40% tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ nhà, đất theo quy định tại mục c, khoản I Điều 7 Nghị định số 38/2000/CP ngày 23/8/2000 của Chính phủ về thu tiền SDĐ: "Trường hợp sử dụng đất ở ổn định từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 trở về sau thì phải nộp 100% tiền sử dụng đất. Nếu do nhận chuyển nhượng của người sử dụng đất trước đó không có giấy tờ hợp lệ, chỉ có giấy tờ mua, bán, chuyển nhượng giữa hai bên được ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì phải nộp 40% tiền sử dụng đất". Trang 4 GCN ghi nợ tiền sử dụng đất và trước bạ. Gia đình ông H chưa nộp nghĩa vụ tài chính tiền sử dụng đất khi được cấp GCNQSDĐ. Kể từ thời điểm nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002 đã ghi nhận việc gia đình ông H nợ tiền nghĩa vụ tài chính nhưng gia đình không thắc mắc khiếu kiện gì cho đến năm 2016, gia đình ông H bị thu hồi GPMB diện tích 55,9m^2, trong đó có 50m^2 đã được cấp GCN QSD năm 2002.

Căn cứ vào hồ sơ và phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số: 2941 CG ngày 14.11.2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, số liệu xác định của Sở Tài chính về tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư hoặc số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được trừ vào tiền sử dụng đất; Chủ tịch UBND quận C xác định và thông báo nộp tiền sử dụng đất cho hộ ông H, bà G.

Ngày 17/02/2017, Chi cục thuế quận C2 có Thông báo 10113.2016.0007709/ TB-TSDĐ đối với hộ ông Vương Quốc H và bà Nguyễn Thị G, địa chỉ thửa đất số 143, tờ bản đồ 30, vị trí 2, diện tích 50m^2. Số tiền sử dụng đất nộp NSNN: 499.200.000 dồng = 50m^2 x 24.960.009đ x 40%.

Ngày 15/11/2017, Chi cục thuế quận C2 có Thông báo số 10113.2017.0009425/ TB-LPTB đối với hộ ông Vương Quốc H và bà Nguyễn Thị G về lệ phí trước bạ phải nộp là: 6.240.000 đồng. Tổng số tiền gia đình ông H phải nộp ngân sách Nhà nước: 505.440.000 đồng.

Căn cứ khoản 4 Điều 93 Luật Đất đai 2013 quy định: "Người sử dụng đất được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất mà chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật thì phải trừ đi khoản tiền

chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính vào số tiền được bồi thường để hoàn trả ngân sách Nhà nước"; điểm c khoản 5 Điều 7 Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội quy định: "Khoản chênh lệch người bị thu hồi đất được nhận hoặc phải nộp được xác định tại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư", hộ ông H dược cấp GCNQSDĐ năm 2002 nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính nộp tiền sử dụng đất 40%, do đó khi bồi thường GPMB số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính bị trừ vào tiền BTGPMB để hoàn trả ngân sách Nhà nước. Do đó, Trung tâm phát triển quỹ đất quận C lập phương án chi tiết BTHT-TĐC đã khấu trừ lệ phí trước bạ và tiền sử dụng đất đối với gia đình ông Vương Quốc H và bà Nguyễn Thị G còn nợ khi được cấp GCNQSD với số tiền 505.440.000 đồng.

Từ những những nội dung phân tích nêu trên thấy: Đối với diện tích đất 50,0m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mã số 10113090589 do UBND thành phố cấp ngày 17/5/2002, thửa đất số l43, tờ bản đồ số 30 lập năm 1994; diện tích 50,0m^2 (sử dụng riêng: 50,0m^2, sử dụng chung: 0m^2) cho hộ ông Vương Quốc H và bà Nguyễn Thị G; đã được sử dụng ổn định trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 (về việc này UBND phường D đã có văn bản xác nhận việc mua bán nhà đất giữa gia đình ông H và gia đình ông T2 trước 15/10/1993, không có tranh chấp, là hợp lệ).

Do đó, căn cứ vào: Khoản 6 Điều 12 Nghị định số 198/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về việc miễn tiền sử dụng đất, quy định: *"6. Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp GCN QSDĐ nhưng đất đó đã được sử dụng ổn định trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 mà còn nợ tiền sử dụng đất".*

Khoản 4 mục III phần A Thông Tư của Bộ Tài chính số 117/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; quy định về hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất; một số trường hợp cụ thể như sau:

a- Đất đang sử dụng ổn định được Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận không có tranh chấp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; trong trường hợp đất đã được sử dụng ổn định trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 không có tranh chấp thì không phân biệt người người xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là người đã sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 hoặc là người sử dụng đất sau ngày 15 tháng 10 năm 1993 (do nhận chuyển nhượng, thừa kế, hiến, tặng...) khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều không phải nộp tiền sử dụng đất;....

Khoản 3 Mục 1 phần C Thông Tư của Bộ Tài chính số 117/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất:

3- Chỉ xem xét và phê duyệt miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 198/2004/NĐ-CPvới các trường hợp bắt đầu nộp tiền sử dụng đất từ

ngày Nghị định số 198/2004/NĐ-CPhiệu lực thi hành. Các trường hợp đã nộp tiền sử dụng đất hoặc nộp số tiền sử dụng đất còn nợ phát sinh trước ngày Nghị định số 198/2004/NĐ-CPhiệu lực thi hành thì việc miễn giảm tiền sử dụng đất được thực hiện theo các quy định trước ngày Nghị định số 198/2004/NĐ-CPhiệu lực thi hành.

Khoản 4 Mục II phần C Thông Tư của Bộ Tài chính số 117/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất:

4- Khoản 6 quy định về hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng đất đó đã được sử dụng ổn định trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 50, Điều 87 Luật Đất đai và Điều 45 Nghị định số 181/2004/NĐ-CPcòn ghi nợ tiền sử dụng đất thì được miễn thu tiền sử dụng đất còn nợ.

Như vậy, hộ gia đình ông Vương Quốc H và bà Nguyễn Thị G thuộc trường hợp được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích đất 50,0m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mã số 10113090589 do UBND thành phố cấp ngày 17/5/2002, thửa đất số l43, tờ bản đồ số 30 lập năm 1994. Do đó yêu cầu kháng cáo của ông H, bà G không phải nộp nghĩa vụ tài chính tiền sử dụng đất khi được cấp GCNQSDĐ chưa nộp đối với diện tích đất 50,0m^2 là có căn cứ pháp luật, nên được chấp nhận.

Đối với Diện tích 4m^2: Đây là diện tích đất ông sử dụng vào mục đích để ở từ năm 1993 có nguồn gốc theo bản đồ năm 1987 là đất đường đi. Như vậy, ông H đã có hành vi lấn chiếm đất đường đi để sử dụng vào mục đích ở từ năm 1993.

Khoản 4 Điều 12 Nghị định 47/2014 quy định: "Đối với phần diện tích đất nhiều hơn diện tích đất ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất mà diện tích đất nhiều hơn là do hành vi lấn, chiếm mà có thì không được bồi thường về đất". Như vậy, diện tích 4m^2 của ông H không đủ điều kiện được bồi thường với giá đất ở. Tuy nhiên, tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội có nêu rõ : "*Do đó, để giảm bớt thiệt thòi và tạo điều kiện cho người dân có đất bị thu hồi tại dự án. UBND quận giao UBND phường D kiểm tra, rà soát xác định lại thời điểm sử dụng 04m^2 đất của gia đình.....; trên cơ sở đó, giao cơ quan Thường trực của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tổng hợp đề xuất việc bồi thường, hỗ trợ theo quy định*". Trên cơ sở QĐ giải quyết khiếu nại lần hai số 2242, UBND quận C đã điều chỉnh bổ sung bồi thường 4m^2 đất cho ông H với giá đất ở là đã có lợi cho ông H.

Khoản 2 Điều 6 Nghị định 45 quy định: " *Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất để ở mà tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã có một trong các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, nhưng nay nếu được Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thì phải nộp 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất trong hạn mức công nhận đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất; nộp 100% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất vượt hạn mức công nhận đất ở theo giá đất quy định tại*

Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền".

Khoản 4 Điều 93 Luật đất đai 2013 quy định: "Người sử dụng đất được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất mà chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật thì phải trừ đi khoản tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính vào số tiền được bồi thường để hoàn trả ngân sách nhà nước."

Như vậy, ông H phải thực hiện nghĩa tài chính là 50% tiền sử dụng đất theo giá đất quy định tại Bảng giá đất đối với 4m² đất được công nhận và bồi thường theo giá đất ở là đúng quy định. Do đó, kháng cáo của ông H về yêu cầu này không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận.

[3]. Như phân tích trên Quyết định số 1763/QĐ-CTUBND ngày 04/9/2019 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần hai là chưa đủ căn cứ. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông H hủy một phần các Quyết định giải quyết khiếu nại.

[4] Về án phí: Ông Vương Quốc H được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện ông Vương Quốc H; Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 156/2023/HC-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Xử:

- Tuyên hủy một phần Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của UBND quận C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư;

- Tuyên hủy một phần Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 10113.2016.0007709/TB-TSDĐ ngày 17/02/2017 của Chi cục thuế quận C2 để Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội và Cục thuế thành phố Hà Nội xác định lại nghĩa vụ tài chính về đất đai theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm gia đình ông Vương Quốc H đã được cấp sổ đỏ là ngày 24/8/2002.

- Tuyên hủy một phần Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của Chủ tịch UBND quận C về việc giải quyết khiếu nại lần 01;

- Hủy một phần Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần 2;

- Không chấp nhận tuyên hủy một phần Quyết định 1569/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 về việc phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Phương án bồi thường 04m^2 của Chủ tịch UBND quận C.

[2] Về án phí: Ông Vương Quốc H được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HSVA, P.HCTP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hà